

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03 – 8 – 2020

*“V/v tranh chấp HN&GD – Ly hôn,
nuôi con và chia tài sản chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Trung Dũng;

- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hồ Thị Mai Hương;
2. Ông Nguyễn Văn Chinh.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Trần Ngọc Thảo - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 310/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp Cây Xây, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L., sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp Bình Hòa, xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị L có mặt; anh L. đã tuyên bố mất tích)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh L. kết hôn, chung sống với nhau năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 10/02/2010.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng thời gian về sau vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên làm cho cuộc sống vợ chồng bất hòa. Sau đó, anh L. đi xuất khẩu lao động ở Hàn

Quốc mỗi năm về nhà được 03 lần, nhưng từ năm 2012 cho đến nay anh L. không về nhà nữa, sau khi kết thúc hợp đồng làm việc ở Hàn Quốc thì anh L. có trở về Việt Nam nhưng không có về nhà mà nói đi làm ăn xa. Một thời gian sau thì anh L. không liên lạc về gia đình nữa và cũng không có tin tức gì của anh L.. Chị L đã nhiều lần tìm kiếm và ký hợp đồng với Trung tâm dịch vụ phát thanh truyền hình Đồng Tháp; đăng ký phát sóng trên đài truyền hình của Trung ương để đăng thông tin tìm kiếm anh L. nhưng vẫn không có tin tức. Chị L đã nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh L. mất tích và được Tòa án giải quyết bằng quyết định số: 16/2019/QĐST-VDS, ngày 29/11/2019, quyết định tuyên bố mất tích đối với anh Nguyễn Văn L..

Do vợ chồng sống xa nhau trong thời gian dài nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, khoảng cách vợ chồng ngày càng xa, không ai quan tâm và chăm sóc cho nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh L..

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tú Quỳnh, sinh ngày 26/4/2012 hiện đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L. cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L. đã bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 16/2019/QĐST-VDS, ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Hiện nay anh L. cũng không có mặt ở địa phương.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

1. Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);
2. Giấy khai sinh Nguyễn Thị Tú Quỳnh, sinh ngày 26/4/2012 (Bản photo chứng thực);
3. Giấy CMND và sổ hộ khẩu tên Nguyễn Thị L (Bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hôn nhân, gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”.

Anh Nguyễn Văn L. là người bị kiện có nơi cư trú cuối cùng là ấp Bình Hòa, xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Trong quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Phạm Phước Tâm và bà Hồ Thị Mai Hương, Hội thẩm nhân dân dự khuyết là ông Lê Đình Thủ, ông Trần Văn Bé Hai, bà Võ Thị Diệp, bà Phan Thị Mướt và ông Châu Quốc Tuấn. Tuy nhiên, ông Tâm, ông Thủ, ông Bé Hai, ông Tuấn, bà Mướt và bà Diệp đều bận công tác đột xuất nên thay thế Hội thẩm nhân dân là ông Nguyễn Văn Chinh để tham gia Hội đồng xét xử. Đương sự có mặt tại phiên tòa thống nhất với sự thay đổi này nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L. kết hôn, chung sống với nhau năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 10/02/2010. Theo chị L trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng thời gian về sau vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên làm cho cuộc sống vợ chồng bất hòa. Sau đó, anh L. đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc mỗi năm về nhà được 03 lần, nhưng từ năm 2012 cho đến nay anh L. không về nhà nữa, sau khi kết thúc hợp đồng làm việc ở Hàn Quốc thì anh L. có trở về Việt Nam nhưng không có về nhà mà nói đi làm ăn xa. Một thời gian sau thì anh L. không liên lạc về gia đình nữa và cũng không có tin tức gì của anh L.. Do đó, chị L đã nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh L. mất tích và được Tòa án giải quyết bằng quyết định số: 16/2019/QĐST-VDS, ngày 29/11/2019, quyết định tuyên bố mất tích đối với anh Nguyễn Văn L.. Nay chị L nhận thấy không còn tình cảm với anh L. nên yêu cầu được ly hôn với anh L..

Xét thấy, chị L và anh L. đã sống ly thân hơn 08 năm, trong khoảng thời gian sống ly thân, hai vợ chồng không liên lạc với nhau, không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau; điều này cho thấy, hôn nhân đã L. vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L.

- Về con chung: Chị L thừa nhận vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tú Quỳnh, sinh ngày 26/4/2012, hiện đang sống chung với chị L. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L. cấp dưỡng.

Xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi là cần xem xét điều kiện chăm sóc và việc phát triển con chung. Do con chung đang sống với chị L đang phát triển tốt về mọi mặt và chị L cũng có đủ điều kiện nuôi dưỡng. Đồng thời, anh L. đã bỏ địa phương đi từ năm 2012 đến nay không chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, nên để chị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Chị L không yêu anh L. cấp dưỡng xét thấy đây là sự tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L. Chị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Anh Nguyễn Văn L. có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo Biên lai số 0003829 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 51, khoản 2 Điều 56, 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị L.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn L..

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Thị Tú Quỳnh, sinh ngày 26/4/2012. Anh L. không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không có yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn L. có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L thống nhất không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo Biên lai số 0003829 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đối với anh L. được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND nơi cấp GCN.KH
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Huỳnh Trung Dũng

